

Bản án số: 14/2020/DS-ST

Ngày 24-8- 2020

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, BẮC GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Tạ Thị Thu Thủy

***Các hội thẩm nhân dân:***

1. Ông Trương Thanh Cường;

2. Ông Nguyễn Xuân Chung.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Lự, Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa:*** Ông Thân Mạnh Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở tòa án nhân dân huyện L xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 12/2020/TLST-DS ngày 13/02/2020 về Tranh chấp Hợp đồng tín dụng, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2020/QĐXXST-DS ngày 08/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2020/QĐST-DS ngày 24/7/2020, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Ngân hàng TMCP V (VPBank)

Địa chỉ: Số 89 L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chủ tịch HĐQT

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc H, cán bộ Ngân hàng VPBank.

Địa chỉ: Tầng 7 tòa nhà Việt Hải, số 78 Duy Tân, phường D, quận C, thành phố Hà Nội (có mặt)

***- Bị đơn:*** Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1962 (vắng mặt)

Bà Trần Thị C, sinh năm 1966 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Thôn T II, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/12/2019, các biên bản khai và diễn biến tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng TMCP V, do ông Nguyễn Ngọc H đại diện theo ủy quyền trình bày:* Ngân hàng TMCP V (sau đây được viết tắt là Ngân hàng) đã ký Hợp đồng tín dụng số 4318061 ngày 28/8/2015 với ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị C. Ngân hàng đã giải ngân cho ông C và bà C số tiền 840.000.000đ (Tám trăm, bốn mươi triệu đồng) theo các khế ước nhận nợ, mục đích vay tiêu dùng mua sắm nội thất thiết bị gia đình, lãi suất trong hạn 12%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150%/năm lãi suất trong hạn, lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn được điều chỉnh theo các bên thỏa thuận trong hợp đồng, thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày 28/8/2015 đến ngày 28/8/2025.

Để đảm bảo cho nghĩa vụ quy định tại Hợp đồng tín dụng số: 4318061 ngày 28/8/2015 và các khế ước nhận nợ, Ngân hàng với ông C và bà C đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 4318061 ngày 28/8/2015, hợp đồng đã được đăng ký thế chấp tại Văn phòng Công chứng Xương Giang, địa chỉ: Số 396 đường Lê Lợi, phường HVăn Thụ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. Theo đó ông C và bà C đã dùng tài sản bảo đảm cho Hợp đồng tín dụng đã ký gồm: Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và toàn bộ các quyền và lợi ích phát sinh từ thửa đất số 00, tờ bản đồ 00, diện tích 200m<sup>2</sup> đất ở tại nông thôn tại địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 915939, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H03868, số 1565/QĐ-UBND do UBND huyện L cấp ngày 01/7/2009 cho ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị C.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông C và bà C đã trả Ngân hàng được tổng số tiền: 703.610.402 đồng, trong đó tiền gốc 352.419.682 đồng, tiền lãi 351.190.720 đồng. Do ông C, bà C vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên toàn bộ khoản vay trên chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 25/4/2019. Ngân hàng đã thông báo trả nợ nhiều lần nhưng ông C và bà C không thanh toán được nên Ngân hàng đã khởi kiện yêu cầu ông C và bà C trả nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm 24/8/2020 tổng số tiền nợ gốc: 487.580.318 đồng; nợ lãi: 84.102.197 đồng; tổng nợ: 571.682.515 đồng và tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm đến khi thanh toán xong. Ngân hàng không yêu cầu thanh toán phí phạt chậm trả. Trường hợp ông C và bà C không thanh toán được thì đề nghị xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ, đảm bảo quyền lợi cho Ngân hàng.

- Ông C và bà C có địa chỉ tại Thôn T II, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang đã được Tòa án tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng nhưng ông C và bà C không cung cấp lời khai, không đến Tòa án làm việc và vắng mặt tại phiên tòa.

*Đại diện VKSND huyện L phát biểu ý kiến:* Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của BLTTDS trong cả quá trình tố tụng, đảm bảo đúng quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự. Ông C và bà C đã được tổng đạt trực tiếp nhưng vắng mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 30, 147, 227, 228 Điều 271, 272 và Điều 273 của BLTTDS; Điều 90, 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 342, 343, 347, 348, 351, 355 BLDS 2005; khoản 3 Điều 7 Nghị quyết 42 ngày 21.6/2017 về thí điểm xử lý nợ xấu tại các tổ chức tín

dụng; Điều 24, Điều 26 Nghị quyết 326 của UBTVQH. Xử chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

1. Buộc ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị C thanh toán trả Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm 24/8/2020 là: Nợ gốc: 487.580.318 đồng, nợ lãi: 84.102.197 đồng, tổng nợ: 571.682.515 đồng và tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo 25/8/2020 đến khi thanh toán xong.

2. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông C, bà C không thanh toán trả Ngân hàng thì Ngân hàng được quyền đề nghị phát mại tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ.

Ngoài ra còn đề xuất giải quyết về án phí và các chi phí tố tụng khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được công bố tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho các đương sự. Ông C và bà C vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của BLTTDS xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Ngân hàng TMCP V (sau đây được viết tắt là Ngân hàng) đã ký Hợp đồng tín dụng số 4318061 ngày 28/8/2015 với ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị C. Ngân hàng đã giải ngân cho ông C và bà C số tiền 840.000.000đ (Tám trăm, bốn mươi triệu đồng), mục đích mua sắm nội thất thiết bị gia đình. Lãi suất trong hạn 12%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150%/năm lãi suất trong hạn và điều chỉnh theo biên độ lãi 4%/năm. Thời hạn vay 120 tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông C và bà C đã trả Ngân hàng được tổng số tiền: 703.610.402 đồng, trong đó tiền gốc 352.419.682 đồng, tiền lãi 351.102.197 đồng. Nay ông C và bà C vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông C và bà C thanh toán nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm 24/8/2020 gồm: Nợ gốc 487.580.318 đồng, nợ lãi: 84.102.197 đồng, tổng nợ: 571.682.515 đồng và tiếp tục tính lãi phát sinh, không yêu cầu thanh toán phí phạt chậm trả. Hội đồng xét xử thấy yêu cầu của Ngân hàng là có căn cứ cần chấp nhận.

[3] Để đảm bảo cho nghĩa vụ quy định tại hợp đồng tín dụng số: 4318061 ngày 28/8/2015 ông C, bà C và Ngân hàng đã ký hợp đồng thế chấp số 4318061 ngày 28/8/2015, tài sản bảo đảm gồm: Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và toàn bộ các quyền và lợi ích phát sinh từ thửa đất số 00, tờ bản đồ 00, diện tích 200m<sup>2</sup> đất ở tại nông thôn tại địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 915939, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H03868, số 1565/QĐ-UBND do UBND huyện L cấp ngày 01/7/2009 cho ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị C.

Căn cứ hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp, kế ước nhận nợ, căn cứ các Điều 342, 343, 347, 348, 351, 355 BLDS 2005 và Điều 3, Điều 7 Nghị quyết số 42/2017 QH14 ngày 21/6/2017 của Quốc Hội về thí điểm xử lý nợ xấu tại các tổ chức tín dụng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mại các tài sản tại Hợp đồng

thế chấp số 4318061 ngày 28/8/2015. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc xử lý tài sản thế chấp.

[4] Về tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Quá trình giải quyết vụ án chi phí hết 2.000.000 đồng tiền xem xét thẩm định tại chỗ tài sản. Đại diện Ngân hàng đã nộp cần buộc ông C và bà C thanh toán trả Ngân hàng.

[5] Về tiền án phí: Ông C và bà C phải chịu 26.867.300 đồng tiền án phí dân sự. Hoàn trả Ngân hàng số tiền 19.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 30, 147, 157, 227, 228 Điều 271, 272 và Điều 273 của BLTTDS; Điều 90, 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 342, 343, 347, 348, 351, 355 BLDS 2005 và Điều 3, Điều 7 của NQ số 42/2017 QH14 ngày 21/6/2017 của Quốc Hội về thí điểm xử lý nợ xấu tại các tổ chức tín dụng Điều 24, Điều 26 Nghị quyết 326 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Buộc ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị C thanh toán trả Ngân hàng TMCP V (VPBank) tính đến ngày xét xử sơ thẩm 24/8/2020 số tiền: Nợ gốc 487.580.318 đồng, nợ lãi: 84.102.197 đồng, tổng nợ: 571.682.515 đồng và tiếp tục tính lãi suất phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày tiếp theo 25/8/2020 đến khi thanh toán xong.

2. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông C và bà C không thanh toán được bằng tiền cho Ngân hàng TMCP V thì Ngân hàng được quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự phát mại tài sản tại Hợp đồng thế chấp số 4318061 ngày 28/8/2015 tài sản gồm:

Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và toàn bộ các quyền và lợi ích phát sinh từ thửa đất số 00, tờ bản đồ 00, diện tích 200m<sup>2</sup> đất ở tại nông thôn tại địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 915939, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H03868, số 1565/QĐ-UBND do UBND huyện L cấp ngày 01/7/2009 cho ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị C

3. Án phí: Ông C và bà C phải chịu 26.867.300 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông C và bà C thanh toán trả Ngân hàng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản.

Trả lại Ngân hàng TMCP V số tiền 19.500.000 đồng (Mười chín triệu, năm trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0004524 ngày 07/01/2020 tại chi cục thi hành án huyện L.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt biết, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Tạ Thị Thu Thủy**